

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **30/2017/HSST**
Ngày 01-12-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hòa và bà Nguyễn Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**, sinh ngày 10/8/ 1996, tại M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản B xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn): 7/10; dân tộc: Thái; giới tính Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1963; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/9/2017 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 20/9/2017, tổ công tác Công an huyện Mộc Châu phối hợp với Công an xã Đông Sang, huyện Mộc Châu làm nhiệm vụ tại khu vực bản B, xã Đ, huyện M kiểm tra hành chính về ma túy với Lò Văn T phát hiện T có hành vi nghi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ 06 gói ni lon (trong đó có 02 gói đựng cục bột màu trắng nghi là hê rô in) và 04 gói bên trong mỗi gói đều đựng 01 viên nén màu hồng, 01 xi lanh nhựa loại 3cc, T khai nhận đó là Hê rô in và Hồng phiến của T cất giấu để sử dụng.

Về nguồn gốc số ma túy, Lò Văn T khai nhận T mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ ở bản C, xã Đ, huyện M.

Căn cứ vào hành vi vi phạm và tang vật thu giữ, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, dẫn giải Lò Văn T về Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện Mộc Châu để điều tra xử lý. Tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202.

Ngày 20/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành mở niêm phong, cân tách bì xác định T lượng số cục bột màu trắng nghi là Hêrôin và Hồng phiến thu giữ của Lò Văn T như sau.

Đối với 02 gói cục bột màu trắng nghi là Hê rô in có T lượng là 0,33 gam. Lấy 0,13 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu (T1).

Đối với 04 viên màu hồng nghi là Hồng phiến ma túy tổng hợp có T lượng là 0,40 gam, lấy 02 viên có T lượng 0,20 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu (T2) để xác định có phải là chất ma túy không, loại chất ma túy gì, T lượng (khối lượng) của mẫu giám định là bao nhiêu? Tại Kết luận giám định số 903/KLMT ngày 29/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là chất ma túy; Loại chất Hêrôin; T lượng của mẫu gửi giám định T1 là 0,13 gam. Tổng T lượng chất ma túy thu giữ là 0,33 gam; Loại chất Hêrôin, Đối với mẫu gửi giám định T2 là 0,20 gam T lượng thu giữ 0,40 gam loại chất Methamphetaminne”*

Tại bản cáo trạng số 218/CT-VKS ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố Lò Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã phát biểu ý kiến, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,20 gam Hê rô in và 02 viên Hồng phiến = 0,20 gam, 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu hoàn trả sau khi đã giám định có ký hiệu T1 = 0,10 gam, T2 = 0,18 gam cùng vỏ gói niêm phong ban đầu, 01 xi lanh nhựa.

Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 để đảm bảo cho việc thi hành án về án phí hình sự.

3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện ngày 20/9/2017 bị cáo đã có hành vi cất giấu 0,33 gam Hê rô in và 0,40 gam ma túy tổng hợp Methamphetaminne. Mục đích cất giấu là để sử dụng cho việc nghiện hút của bản thân. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[3] Do bị cáo tàng trữ hai loại chất ma túy, căn cứ thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT – BCA – VKSNDTC – TANDTC – BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Tòa án nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp, tỷ lệ phần trăm hai chất ma túy của bị cáo được xác định như sau.

Tỷ lệ % về T lượng Hê rô in so với mức tối thiểu quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 của BLHS là $0,33 \times 100/5 = 6,6\%$.

Tỷ lệ % về T lượng của các chất ma túy khác ở thể rắn so với mức tối thiểu đối với các chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 BLHS là $0,40 \times 100/20 = 2\%$ ($6,6\% + 2\% = 8,6\%$) chưa vượt quá 100% nên Lò Văn T chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ 40 phút ngày 20/9/2017; vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong vật chứng, xác định T lượng, lấy mẫu giám định; kết luận giám định; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 20/9/2017 Lò Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,33 gam Hêrôin, và 0,40 gam Methamphetaminne (Ma túy tổng hợp) mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015. Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, quy định hành vi tàng trữ trái phép 0,33 gam Hê rô in và 0,40 gam ma túy tổng hợp của Lò Văn T phải chịu trách nhiệm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà

nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo như bị cáo khai, do không biết được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,20 gam Hê rô in và 02 viên Hồng phiến = 0,20 gam, 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu hoàn trả sau khi đã giám định có ký hiệu T1 = 0,10 gam, T2 = 0,18 gam cùng vỏ gói niêm phong ban đầu, 01 xi lanh nhựa đầu là vật Nhà nước cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 thu giữ của bị cáo, xác định chiếc điện thoại bị cáo không dùng vào việc phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án về án phí hình sự.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 21 (Hai mươi một) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 21/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,20 gam Hê rô in và 02 viên Hồng phiến = 0,20 gam, 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu hoàn trả sau khi đã giám định có ký hiệu T1 = 0,10 gam, T2 = 0,18 gam cùng vỏ gói niêm phong ban đầu, 01 xi lanh nhựa.

Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 để đảm bảo cho việc thi hành án về án phí hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn T phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)
Đỗ Như Khánh**